

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1466/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2018

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1168/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 253/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Số 2061/3 tổ 2, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 112 ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Bà K có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Ông Lê Quốc B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 2061/3 tổ 2, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 13/9/2017 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh K trình bày sự việc như sau:

Bà (Nguyễn Thị Thanh K) và ông Lê Quốc B chung sống như vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2016, đăng ký ngày 29/3/2016.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chồng bà thường xuyên nhậu về thì đánh đập bà, rồi thường xuyên không về nhà do có người phụ nữ khác bên ngoài, không lo gì cho cuộc sống của vợ con. Bà nhiều lần bỏ nhà đi nhưng vì còn thương chồng nên bà quay trở về tiếp tục chung sống với ông B. Cách nay khoảng 06 tháng, vợ chồng bà tiếp tục mâu thuẫn, xảy ra xô xát nên bà về nhà ba mẹ ruột của bà ở và vợ chồng bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 người con chung, tên là: Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/3/2015. Hiện trẻ Đ đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi trẻ Đ và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Quốc B đều vắng mặt nên không có lời khai của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Lê Quốc B mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh K về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Quốc B, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị Thanh K và ông Lê Quốc B tự nguyện chung sống như vợ chồng từ 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2016, đăng ký ngày 29/3/2016, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời trình bày của bà K thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chồng bà thường xuyên nhậu về thì đánh đập bà, rồi thường xuyên không về nhà do có người phụ nữ

khác bên ngoài, không lo gì cho cuộc sống của vợ con. Bà nhiều lần bỏ nhà đi nhưng vì còn thương chồng nên bà quay trở về tiếp tục chung sống với ông B. Cách nay khoảng 06 tháng, vợ chồng bà tiếp tục mâu thuẫn, xảy ra xô xát nên bà về nhà ba mẹ ruột của bà ở và vợ chồng bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa, bà K cương quyết xin ly hôn với ông B vì tình cảm vợ chồng không còn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông B không có mặt mà không có lý do, điều này thể hiện việc ông B không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà K.

Xét thấy hôn nhân giữa bà K và ông B không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà K là có cơ sở.

- Về con chung:

Vợ chồng bà K và ông B có 01 người con chung, tên là: Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/3/2015. Hiện trẻ Đ đang sống chung với bà K. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được nuôi trẻ Đ và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, do trẻ Đ còn nhỏ và đang sống chung với bà K nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao trẻ Đ cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Bà K không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Tài sản chung:

Bà K khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà K khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà K phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh K.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh K được quyền ly hôn với ông Lê Quốc B.

- Về con chung:

Vợ chồng bà K và ông B có 01 người con chung, tên là: Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/3/2015. Hiện trẻ Đ đang sống chung với bà K. Bà K được quyền trực tiếp nuôi trẻ Đ.

Ghi nhận việc bà K tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Về tài sản chung: Bà K khai không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà K khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), buộc bà K phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà K đã nộp theo biên lai số 0007472 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông

Lê Quốc B) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Phú Mỹ Hưng, H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Thanh Hương